

Số: 46/2022/TT-BCA

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2022

THÔNG TƯ

**Quy định về việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa
Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia,
cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác**

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân;

Căn cứ Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ thông tin của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác; phương thức kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin; điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin và kiểm tra,

giám sát việc thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 8 Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021.

Điều 3. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm các quy định về bảo mật, an ninh, an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, không được xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trừ trường hợp pháp luật khác có quy định.
3. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải bảo đảm điều kiện hạ tầng hệ thống thông tin, mô hình kết nối, cấu trúc dữ liệu, an ninh, an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ KẾT NỐI, CHIA SẺ VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ

Điều 4. Các thông tin được chia sẻ cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử dùng chung, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu về y tế và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác chia sẻ thông tin về công dân cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật bảo đảm thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời.
2. Các thông tin chuyên ngành gắn với công dân (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư) khi được các cơ quan, tổ chức chia sẻ cho Bộ Công an thì cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an là đầu mối tiếp nhận để khai thác, sử dụng phục vụ cho công tác quản lý dân cư và đáp ứng yêu cầu công tác nghiệp vụ khác của Công an các đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 5. Phương thức kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác

1. Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, Hệ thống thông tin khác được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, trực liên thông văn bản quốc gia, các nền tảng kết nối, tích hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Phương thức kết nối thông qua giao diện lập trình ứng dụng.

Điều 6. Điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo quy định pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Trước khi thực hiện kết nối hoặc sau khi thực hiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức có sự điều chỉnh, thay đổi về thiết kế hệ thống thì phải được kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin. Việc kiểm tra, đánh giá được tiến hành bằng các thiết bị, phần mềm nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân; nội dung kiểm tra, đánh giá gồm:

a) Việc thiết lập cấu hình bảo mật trên thiết bị hệ thống, máy chủ, ứng dụng và cơ sở dữ liệu;

b) Phát hiện mã độc, lỗ hổng, điểm yếu, thử nghiệm xâm nhập hệ thống đối với thiết bị hệ thống, máy chủ và ứng dụng;

c) An toàn thông tin cho mã nguồn ứng dụng;

d) An ninh, an toàn phần cứng;

đ) Việc ban hành các quy định, chính sách quản lý tài khoản, ra, vào khu vực máy chủ, quản lý mật khẩu các tài khoản quản trị, quản lý truy cập, các văn bản thỏa thuận về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ thể tham gia quản lý, vận hành, cung cấp dịch vụ đối với hệ thống thông tin.

3. Đối với các hệ thống thông tin của Bộ Quốc phòng quản lý, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn đơn vị chuyên môn của Bộ Quốc phòng thực hiện việc đánh giá, kiểm tra an ninh, an toàn thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao chủ trì, phối hợp với Cục Kỹ thuật nghiệp vụ, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an và đơn vị có liên quan thực hiện:

a) Kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin của hệ thống thông tin có yêu cầu kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi kết nối và có văn

bản xác nhận việc bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; trường hợp các hệ thống thông tin có yêu cầu kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được kết nối với nền tảng định danh và xác thực điện tử thì không phải kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Kiểm tra, đánh giá đột xuất việc bảo đảm an ninh, an toàn thông tin của hệ thống thông tin kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Kiểm tra, đánh giá định kỳ (01 lần trong 01 năm) bảo đảm an ninh, an toàn thông tin của hệ thống thông tin kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều này; trừ hệ thống thông tin do Bộ Quốc phòng quản lý; hệ thống thông tin đã được chia sẻ trực tuyến dữ liệu về giám sát an ninh mạng, an toàn thông tin cho Bộ Công an hoặc hệ thống thông tin đã được cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác nhận việc bảo đảm an ninh, an toàn không quá 01 năm theo quy định pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Điều 7. Quy trình thực hiện kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác

1. Cơ quan, tổ chức quản lý hệ thống thông tin có văn bản đề nghị kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gửi cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an.

Văn bản đề nghị kết nối gồm các nội dung sau: Đơn vị đăng ký; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đề nghị được kết nối, chia sẻ; thông tin cán bộ phụ trách kết nối, chia sẻ và khai thông tin; mục đích, phạm vi, nội dung thông tin, số lượng trường thông tin cần chia sẻ; dịch vụ đăng ký sử dụng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tài liệu mô tả kỹ thuật thành phần hệ thống có kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Ngay sau khi nhận được văn bản đề nghị, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an thực hiện:

a) Cung cấp tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho cơ quan, tổ chức có đề nghị kết nối;

b) Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức thực hiện kết nối, điều chỉnh phần mềm và kiểm thử kỹ thuật các dịch vụ chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

c) Phối hợp với Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục Kỹ thuật nghiệp vụ thuộc Bộ Công an và đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra, đánh giá việc bảo đảm an ninh, an toàn thông tin hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức có đề nghị kết nối.

Điều 8. Lưu trữ nhật ký kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin

1. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an và cơ quan, tổ chức có các hoạt động kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có trách nhiệm lưu lại nhật ký thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin để phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát.

2. Thời hạn tối thiểu lưu trữ nhật ký về kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là 02 năm kể từ thời điểm thực hiện việc kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin.

Điều 9. Xử lý sự cố, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc trong kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Cơ quan, tổ chức có hoạt động kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có trách nhiệm xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng, thực hiện các dịch vụ khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của cơ quan, đơn vị mình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị xử lý sự cố, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc trong quá trình thao tác, sử dụng các chức năng, thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua địa chỉ thư điện tử dancuquocgia@mps.gov.vn, qua số điện thoại liên hệ, qua làm việc tại trụ sở cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an hoặc bằng văn bản đề nghị hỗ trợ, giải quyết vướng mắc.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có quyền sau:

a) Khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo chức năng, nhiệm vụ và mục đích đăng ký với cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an giải quyết các vướng mắc làm ảnh hưởng đến quyền khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có trách nhiệm sau:

a) Tuân thủ các quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ và sử dụng thông tin;

b) Khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đúng phạm vi cho phép, nội dung thống nhất về chia sẻ thông tin;

c) Chia sẻ thông tin quy định tại Điều 4 Thông tư này cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

d) Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an về những sai sót của thông tin đã chia sẻ hoặc khai thác, sử dụng.

đ) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết các vướng mắc trong quá trình kết nối, chia sẻ và khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an

1. Xây dựng tài liệu hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có hệ thống thông tin kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ quan có liên quan giải quyết, xử lý sự cố vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Phối hợp đơn vị có liên quan thực hiện việc kiểm tra theo quy định việc bảo đảm an ninh, an toàn thông tin của hệ thống thông tin có kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 12. Công dân thực hiện tra cứu, khai thác thông tin thông qua cổng dịch vụ công

Công dân thực hiện tra cứu, khai thác thông tin thông qua cổng dịch vụ công như sau:

1. Công dân đăng nhập vào cổng dịch vụ công.

2. Công dân lựa chọn dịch vụ tra cứu hoặc dịch vụ khai thác thông tin cá nhân.

3. Bộ Công an trả kết quả tra cứu của công dân bằng thông tin hiển thị trên cổng dịch vụ công hoặc trả kết quả khai thác thông tin bằng Thông báo theo mẫu số 01 Ban hành kèm theo Thông tư này.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, thi hành Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để có hướng dẫn kịp thời. / *trung*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Công an;
- Lưu: VT, C06, V03.300b.



BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm